

Số: 228/BC-UBND

TP. Bắc Kạn, ngày 18 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO
**Kết quả thực hiện Thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ
xây dựng nông thôn mới năm 2020**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ Công văn số 356/VPĐP-NV&MT ngày 04/5/2021 của Văn phòng Điều phối Trung ương về việc góp ý hoàn thiện hồ sơ và chỉnh trang thực trạng đề nghị xét, công nhận thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020. UBND thành phố Bắc Kạn chỉnh sửa, bổ sung báo cáo kết quả thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội trên địa bàn thành phố

1.1. Điều kiện tự nhiên

- Về vị trí địa lý: Thành phố Bắc Kạn là đô thị vùng cao, với 8 đơn vị hành chính (02 xã, 06 phường), cách thủ đô Hà Nội 166km về phía Đông Bắc, có tuyến Quốc lộ 3 chạy qua, nối với Cao Bằng và Thái Nguyên, nhánh quốc lộ 3B nối với Lạng Sơn và Quốc lộ 279 nối với tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Lạng Sơn. Thành phố Bắc Kạn có vị trí quan trọng về kinh tế, an ninh quốc phòng của tỉnh cũng như của cả nước, có ranh giới hành chính tiếp giáp với các địa phương sau:

- Phía Đông giáp xã Mỹ Thanh - huyện Bạch Thông;
- Phía Tây giáp xã Quang Thuận, Đôn Phong - huyện Bạch Thông;
- Phía Nam giáp xã Thanh Vận, Hòa Mục, Tân Sơn - huyện Chợ Mới;
- Phía Bắc giáp xã Cẩm Giàng, Quân Hà - huyện Bạch Thông.



Bản đồ hành chính Thành phố Bắc Kạn

- Về địa hình: Có địa hình thung lũng lòng chảo nằm ven theo 02 bờ sông Cầu, xung quanh được bao bọc bởi những dãy núi có độ cao trung bình từ 150m - 200m so với mực nước biển, đỉnh núi cao nhất là đỉnh Nặm Dắt (*phường Xuất Hóa*) cao 728m, núi Khau Lang (*xã Dương Quang*) cao 746m, hướng dốc chính từ Tây sang Đông. Nhìn chung, thành phố Bắc Kạn có 03 dạng địa hình chính: Địa hình núi đá vôi, địa hình đồi núi thấp, địa hình thung lũng phân bố hầu hết ở các xã, phường.

- Khí hậu: Thành phố Bắc Kạn chịu ảnh hưởng chung của khí hậu miền núi phía Bắc Việt Nam. Được hình thành từ một nền nhiệt cao của đới chí tuyến và sự thay thế của các hoàn lưu lớn theo mùa, kết hợp với điều kiện địa hình nên mùa đông thường giá lạnh, nhiệt độ thấp, trời khô hanh, có sương muối (*Bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau*); mùa hè thường nóng ẩm, mưa nhiều (*bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 9*).

- Thủy văn: Thành phố Bắc Kạn chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn sông Cầu (*Sông Cầu chảy qua địa bàn tỉnh Bắc Kạn dài 100 km và qua địa phận thành phố Bắc Kạn dài khoảng 20km, chiều rộng trung bình 40m*) và các suối chảy qua địa bàn Thành phố như suối Nặm Cát, suối Nông Thượng, suối Pá Danh, suối Xuất Hóa. Sông suối có độ dốc bị bồi lắng do đất đá ở thượng nguồn trôi về làm cho dòng chảy của sông, suối bị thu hẹp lại, mùa mưa gây úng ngập ở hai bên bờ sông, suối.

- Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên là 13.699,8 km², trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 87,13%, đất chuyên dùng chiếm 7,44%, đất ở chiếm 2,64%, đất chưa sử dụng và sông suối chiếm 2,79%. Diện tích đất nông nghiệp chiếm phần lớn. Vì vậy, trong quá trình phát triển công nghiệp, cũng như đô thị hóa phải sử dụng đến diện tích đất nông nghiệp.

1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

- Về kinh tế: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ (*Năm 2011, tỷ trọng thương mại - dịch vụ là 52,3%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 38,7%, nông - lâm nghiệp 9%, đến hết năm 2020, tỷ trọng thương mại - dịch vụ đã tăng lên 56,7%, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 37,5%, sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản 5,8%*). Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 19 - 20%/ năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 của toàn Thành phố đạt 50 triệu đồng/người/năm, trong đó, khu vực nông thôn đạt 38,45 triệu đồng/người/năm, tăng 31 triệu đồng so với năm 2011 (*7 triệu đồng/người/năm*).

- Về Dân số - lao động: Thành phố hiện nay có trên 45.000 người (trong đó có khoảng 27.500 người trong độ tuổi lao động, chiếm khoảng 59,7% dân số), với 5 dân tộc (*Tày, Nùng, Kinh, Dao, Hoa*) cùng sinh sống. Những năm qua thành phố

đã xây dựng nhiều phương án, chương trình giải quyết việc làm, khuyến khích và tạo điều kiện về cơ chế, chính sách như: Hỗ trợ vốn, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh trên mọi lĩnh vực tạo việc làm cho nhiều lao động. Hằng năm thành phố đã giải quyết việc làm cho hơn 600 lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, tình trạng thanh niên, học sinh mới ra trường cũng như lực lượng lao động là nông dân không có hoặc thiếu việc làm vẫn còn tồn tại, nên việc tập trung giải quyết để đảm bảo người dân có việc làm ổn định, nâng cao thu nhập là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp.

1.3. Khái quát thực trạng một số nhóm tiêu chí của 2 xã tại thời điểm bước vào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2011

Do xuất phát điểm của 02 xã còn thấp và qua rà soát thực tế năm 2011 xã Nông Thượng đạt 4/19 tiêu chí; xã Dương Quang đạt 3/19 tiêu chí, cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí	Xã Nông Thượng	Xã Dương Quang
1	Quy hoạch		
2	Giao thông		
3	Thủy lợi	x	x
4	Điện	x	x
5	Trường học		
6	Cơ sở vật chất văn hóa		
7	Chợ nông thôn		
8	Bưu điện	x	
9	Nhà ở dân cư		
10	Thu nhập		
11	Hộ nghèo		
12	Cơ cấu lao động		
13	Hình thức tổ chức sản xuất		
14	Giáo dục		
15	Y tế		
16	Văn hóa		
17	Môi trường		
18	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh		
19	An ninh, trật tự xã hội	x	x
	Tổng cộng	4/19	3/19

Ghi chú: Đánh dấu X đối với những tiêu chí đạt ở các xã.

8. Quyết định 490/QĐ-TTg ngày 7/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

9. Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/1/2019 của bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

b) Các văn bản cấp tỉnh

1. Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 3/4/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020;

2. Nghị quyết số 10/2015/NQ-UBND ngày 3/4/2015 của hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2015-2020;

3. Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 9/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020;

4. Nghị quyết 08/2017/NQ-HĐND ngày 11/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

5. Hướng dẫn số 89/HD-VPĐP ngày 26/4/2017 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Kạn về hướng dẫn trình tự thủ tục, hồ sơ, và quy định điều kiện xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới;

6. Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

7. Hướng dẫn số 337/HD-BCĐ ngày 7/9/2017 của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Bắc Kạn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020;

8. Hướng dẫn số 495/HD-BCĐ ngày 21/11/2018 của Ban chỉ đạo chương trình MTQG tỉnh Bắc Kạn về hướng dẫn phương pháp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2018-2020;

9. Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 9/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020;

10. Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

11. Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2018-2020;

c) Các văn bản chỉ đạo của Thành phố Bắc Kạn

1. Quyết định số 1636/ QĐ-UBND ngày 07/10/2010 về việc thành lập Ban Chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

2. Quyết định số 2021/ QĐ-UBND ngày 26/11/2010 về việc Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

3. Quyết định số 2022/ QĐ-UBND ngày 26/11/2010 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo;

4. Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 26/7/2011 của Thị ủy Bắc Kạn về thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại thị xã Bắc Kạn giai đoạn 2011- 2020;

5. Kế hoạch số 125/KH-UBND ngày 10/12/2012 Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới”;

6. Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 25/01/2013 Kế hoạch Tổ chức thực hiện và tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020;

7. Quyết định số 3503/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

8. Chỉ thị số 12/CT - TU ngày 13/2/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020;

9. Quyết định số 1386-QĐ/TU ngày 05/10/2017 của Thành ủy Bắc Kạn về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo, thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới thành phố Bắc Kạn;

10. Quyết định số 14-QĐ/TU ngày 26/12/2017 của Thành ủy Bắc Kạn về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới thành phố Bắc Kạn, giai đoạn 2017-2020;

vườn tạp, ao, vệ sinh xung quanh nhà ở, ngõ xóm sạch sẽ và xây dựng quy chế vệ sinh theo định kỳ hằng tháng...

Hội nông dân thành phố tổ chức phát động cuộc vận động “Sạch nhà, tốt ruộng”; chủ động đóng góp xây dựng 15 bể chứa, thu gom và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trong sản xuất.

Qua đó, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ về mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo của nhà nước về xây dựng nông thôn mới để nhân dân tích cực, chủ động trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

b) Công tác đào tạo, tập huấn

Thành phố luôn chú trọng đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ các cấp. Hằng năm, đã phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tổ chức 10 lớp tập huấn về nghiệp vụ xây dựng nông thôn mới cho các thành viên Ban chỉ đạo cấp thành phố, Ban quản lý cấp xã, Ban phát triển thôn và cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp tham gia theo dõi xây dựng nông thôn mới.

Riêng giai đoạn 2016-2020, thành phố Bắc Kạn đã tổ chức 04 lớp tập huấn tại các xã thực hiện nông thôn mới với 100 lượt người tham gia về nâng cao năng lực trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và hướng dẫn đánh giá tiêu chí số 4 và 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tổ chức và tạo điều kiện cho 70 lượt thành viên Ban chỉ đạo cấp thành phố, cấp xã, Ban quản lý, Ban phát triển thôn đi thăm quan các mô hình xây dựng NTM tại Yên Bái, Thái Nguyên, Lào Cai, Quảng Ninh, Hòa Bình...

Ủy ban MTTQ Việt nam thành phố và Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên tổ chức trên 130 lớp tập huấn, với 4.000 lượt hội viên tham gia, nội dung tuyên truyền lồng ghép các chương trình với nội dung xây dựng nông thôn mới.

Chương trình đào tạo, tập huấn giúp cán bộ làm công tác xây dựng NTM có thêm kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, phương pháp xây dựng NTM; nội dung tập huấn sát thực với yêu cầu thực tiễn, với từng nội dung thực hiện tiêu chí, nhất là cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM cấp xã. Các học viên tích cực tham gia đào tạo tập huấn, tuy nhiên do trình độ cán bộ còn hạn chế nên việc áp dụng các kiến thức trong đào tạo, tập huấn thực hiện Chương trình xây dựng NTM ở một số xã chất lượng chưa cao

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố

Tổng nguồn lực Thành phố đã huy động thực hiện Chương trình là: **114.983,08** triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 19.612,25 triệu đồng, chiếm 17,06%.

- + Trái phiếu chính phủ: 3.954 triệu đồng.
- + Đầu tư phát triển: 6.640 triệu đồng.
- + Sự nghiệp: 9.018,25 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 76.259,8 triệu đồng, chiếm 66,32%.
- + Ngân sách tỉnh: 41.139,4 triệu đồng.
- + Ngân sách thành phố: 35.007,8 triệu đồng.
- + Ngân sách xã: 112,6 triệu đồng.
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 7.694,27 triệu đồng, chiếm 6,69%.
- Vốn huy động của cộng đồng dân cư: 7.678,76 triệu đồng, chiếm 6,68%.
- + Tiền xã hội hóa (cán bộ, nhân dân, doanh nghiệp): 652,25 triệu đồng.
- + Ngày công và hiện vật quy đổi thành tiền: 7.026,51 triệu đồng.
- Vốn doanh nghiệp, tín dụng: 3.738 triệu đồng, chiếm 3,25%.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NTM CỦA THÀNH PHỐ BẮC KẠN

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn Thành phố: 02 xã.
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 02 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

TT	Tên đơn vị	Năm công nhận	Số, ký hiệu ngày, tháng của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định
1	Xã Nông Thượng	2017	Quyết định số: 2319/QĐ - UBND ngày 29/12/2017	UBND tỉnh Bắc Kạn
2	Xã Dương Quang	2019	Quyết định số: 86/QĐ - UBND ngày 17/01/2020	UBND tỉnh Bắc Kạn

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng NTM của các xã đến hết năm 2020

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch (Tiêu chí số 01)

Năm 2011, Thành phố Bắc Kạn đã phối hợp với các đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát và xây dựng Quy hoạch, Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã, đến quý IV/2012 có 02/02 xã hoàn thành Quy hoạch về xây dựng nông thôn mới.

Quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn các xã được công bố, công khai tại Trụ sở UBND các xã để toàn thể nhân dân được biết giám sát và cùng thực hiện. Đề án xây dựng nông thôn mới được cắm mốc quy hoạch và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch theo quy định.

Về chất lượng và tiến độ lập Đồ án, Đề án các xã cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định, hiện nay các Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các xã đều thực hiện theo Đồ án, đề án đã được phê duyệt.

Hiện nay, cả 02 xã trên địa bàn thành phố Bắc Kạn đang tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung Đồ án, Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ứng phó biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn góp phần đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu của bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội được xác định là một trong hai khâu đột phá quan trọng mà Đại hội Đảng bộ thành phố đã xác định, góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo cơ hội cho nông nghiệp cận đô thị phát triển, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, đảm bảo an sinh xã hội tăng cường công tác quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị trật tự an toàn xã hội.

2.2.1. Về giao thông (tiêu chí số 2):

Giao thông nông thôn là một trong những tiêu chí “xương sống”, tạo tiền đề phát triển kinh tế - xã hội để triển khai và hoàn thành các tiêu chí khác. Chính vì vậy hệ thống đường giao thông nông thôn đã được quan tâm chỉ đạo triển khai, thực hiện đồng bộ, quyết liệt. Trong 10 năm qua đã thực hiện 30 dự án với 54,53km đường giao thông được đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây mới. Nâng tỷ lệ km đường giao thông được bê tông hóa lên 79,33% (năm 2020) tăng 72,03% so với năm 2011 (5/68,74km đạt 7,3%), cụ thể:

+ Tổng số chiều dài đường xã, liên xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện: 17 km (*Dương Quang: 10km; Nông Thượng: 7km*), trong đó, nhựa hóa, bê tông hóa: 17km (*Nông Thượng: 7km, Dương Quang: 10km*) đạt 100%.

+ Tổng số chiều dài đường trục thôn, liên thôn: 27,2km (*Dương Quang: 10km; Nông Thượng: 17,2km*), trong đó đã được bê tông hóa: 19,7km (*Nông Thượng: 12,2 km; Dương Quang: 7,5km*) đạt 72,42%.

+ Tổng số chiều dài đường ngõ, xóm: 23,548 km (*Dương Quang: 11,7km; Nông Thượng: 11,848 km*), trong đó số km sạch, không lầy lội vào mùa mưa: 23,548 km bằng 100%, số km cứng hóa là: 16,828km (*Dương Quang: 9,3 km; NT: 7,528km*) đạt 71,46%.

+ Tổng số chiều dài đường trục chính nội đồng: 1km (*Dương Quang: 1km*), trong đó cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện: 1 km.

Hiện nay cả 2/2 xã đã đạt tiêu chí Giao thông.

2.2.2. Về thủy lợi (tiêu chí số 3)

Thành phố thường xuyên quan tâm đầu tư, cải tạo nâng cấp và cứng hóa hệ thống kênh mương nhằm phát huy tối đa năng lực thiết kế đảm bảo tưới tiêu chủ động. Đến năm 2020, các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu cho 100% diện tích đất sản xuất, tăng 50% so với năm 2011, cụ thể:

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 663,1 ha (*Nông Thuận: 272,99ha, Dương Quang: 390,11 ha*) đạt 100 %.

+ Tổng số diện tích sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp được tưới chủ động là 663,1 ha (*Nông Thuận: 272,99ha, Dương Quang: 390,11 ha*) đạt 100%.

+ Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh và theo đúng quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

+ Tổng số công trình được phân cấp trên địa bàn thành phố là 63 công trình, trong đó Công ty TNHH MTV Thủy nông quản lý 33 công trình, UBND thành phố giao cho các xã quản lý 30 công trình và 13 công trình tạm.

+ Hệ thống kênh mương do Công ty Thủy nông và địa phương quản lý có tổng chiều dài 20,378 km (*Nông Thuận: 8,378 km; Dương Quang: 12 km*), trong đó đã kiên cố hóa 16,738 km (*Nông Thuận: 7,138 km, Dương Quang: 9,6 km*) đạt 82,14%

2/2 xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đầu tư trang thiết bị và có kế hoạch ứng phó với các tình huống cụ thể, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu khi có tình huống xảy ra. 100% cán bộ tham gia công tác phòng chống thiên tai được tập huấn, thường xuyên duy trì và củng cố đội xung kích phòng, chống thiên tai nòng cốt là lực lượng dân quân tại 100% các thôn, đáp ứng yêu cầu khi có thiên tai.

Hiện nay cả 2/2 xã đã đạt tiêu chí Thủy lợi.

2.2.3. Về Điện (tiêu chí số 4)

Hệ thống đường dây, hệ thống biến áp được ngành điện thường xuyên kiểm tra, rà soát, thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp đảm bảo 100% các xã có hệ thống điện đạt chuẩn. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên an toàn đến nay là 1724 hộ/1724 hộ đạt 100%, tăng 2% so với năm 2011.

Hiện nay 02 xã đã đạt tiêu chí về điện.

2.2.4. Về trường học (tiêu chí số 5)

Thành phố đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện nhiều giải pháp để xây dựng hệ thống trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia; xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn góp phần thực hiện tốt tiêu chí về trường học, cụ thể qua 10 năm đã triển khai thực hiện đầu tư, cải tạo nâng cấp 6 trường với tổng vốn đầu tư trên 60 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh và thành phố. Đến nay, đã có 3/6 trường đạt chuẩn quốc gia và 01 trường có trang thiết bị và cơ sở vật chất dạy học đạt chuẩn quốc gia, đạt 70%, tăng 70% so với năm 2011 (*năm 2011 chưa có trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn về trang thiết bị và cơ sở vật chất dạy học*), cụ thể:

* Trường THCS: Tổng số trường: 02 trường; Tổng số phân trường: 0 trường, trong đó trường đã đạt chuẩn: 02 trường.

* Trường Tiểu học: Tổng số trường: 02; Tổng số điểm trường: 01 trong đó trường đã đạt chuẩn: 1 trường.

* Trường Mầm non: Tổng số trường: 02 trường; Tổng số điểm trường: 01, trong đó trường đã đạt chuẩn: 01 trường.

Các trường học đều được nâng cấp, chỉnh trang cảnh quan hàng năm; trang thiết bị dạy học được đầu tư, mua sắm đáp ứng nhu cầu dạy học; khuôn viên các trường học được quy hoạch, bố trí hợp lý, xung quanh trồng cây xanh, bóng mát, cây cảnh; các phòng học, phòng thư viện, thiết bị, phòng bộ môn thoáng mát; cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.

Hiện nay cả 2/2 xã đã đạt tiêu chí về Trường học.

2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)

Đến năm 2020, đã đầu tư xây mới 25 nhà văn hóa thôn, 02 nhà văn hóa xã, 02 khu thể thao xã đạt 100%, tăng 100% so với năm 2011 (*năm 2011 chưa có NVH thôn, nhà văn hóa xã và khu thể thao xã đạt chuẩn*); xây dựng 14/24 khu thể thao thôn đạt chuẩn (trong đó xã Nông Thượng 9/15 khu thể thao; xã Dương Quang có 5/9 khu thể thao). Số liệu 24 thôn do xã Dương Quang có 01 thôn sáp nhập. Một số thôn chưa có khu thể thao thôn nhưng đã được quy hoạch và xã đã có kế hoạch để đầu tư xây dựng trong những năm tới. Nhìn chung, các Nhà văn hóa vừa là nơi diễn ra các cuộc họp dân để phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đây cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa tinh thần, các hội thi, hội diễn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các dịp lễ, tết... Bên cạnh đó, vào dịp lễ, tết, các nhà văn hóa chính là nơi thu hút đông đảo con em trong thôn, xóm đến tham gia vào các trò chơi dân gian. Thông qua những hoạt động này đã làm gắn kết thêm tình làng, nghĩa xóm, duy trì bản sắc văn hóa, góp phần củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hiện nay cả 2/2 xã đã đạt tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa.

2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (tiêu chí số 7)

Mặc dù 02 xã có Chợ nằm trong Quy hoạch, nhưng do các hộ dân trên địa bàn 02 xã đều gần Trung tâm thành phố, việc mua bán trao đổi hàng hóa thuận tiện nên chưa có nhu cầu xây dựng chợ.

Tổng số nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đạt theo tiêu chí: 02 điểm mua bán (Nông Thượng: 01 điểm, Dương Quang: 01 điểm).

Hiện nay cả 2/2 xã đã đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.2.7. Về Thông tin và truyền thông (tiêu chí số 8)

Thông tin truyền thông là một tiêu chí quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, là một công cụ nhằm truyền tải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chương trình tới toàn thể người dân, ngoài ra còn góp phần thông tin tuyên truyền, vận động người dân tham gia hưởng ứng các phong trào trong

xây dựng nông thôn mới. Chính vì vậy, việc đầu tư phát triển hệ thống thông tin truyền thông cấp cơ sở luôn được quan tâm chú trọng. Qua 10 năm thực hiện Chương trình các doanh nghiệp viễn thông đã từng bước đầu tư cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông. Kết quả:

100% xã có đại lý Internet, mạng lưới cáp quang và trạm phát sóng băng rộng, dịch vụ kỹ thuật số... về đến tất cả 24/24 thôn trên địa bàn 2 xã, đáp ứng tốt nhu cầu chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp và nhu cầu của nhân dân. Bưu điện tỉnh Bắc Kạn luôn quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ tại các điểm Bưu điện văn hóa xã; kết quả có 100% xã có điểm phục vụ bưu chính.

Hiện nay, 2/2 xã có trạm truyền thanh cơ sở, đảm bảo phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng. Nhìn chung các hoạt động truyền thanh cơ sở duy trì hoạt động tốt, khai thác và cung cấp thông tin đến Nhân dân trong xã đạt chất lượng và kịp thời, đến nay khoảng trên 80% số hộ dân trên địa bàn xã được nghe loa truyền thanh (*Trong đó: Xã Dương Quang lắp đặt được 10 cụm loa truyền thanh/ 9 thôn đạt 85% số hộ được nghe loa truyền thanh; xã Nông Thượng lắp 17 cụm loa/15 thôn, đạt 80% số hộ được nghe loa truyền thanh*).

Tất cả các cơ quan ở xã đều ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động. Văn bản đi và đến được xử lý qua phần mềm quản lý văn thư và hồ sơ công việc; ứng dụng chữ ký số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phục vụ hội nghị trực tuyến các cấp; cán bộ, công chức xã sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi công tác. Qua đó, góp phần tăng hiệu suất xử lý văn bản, giảm văn bản giấy, giải quyết xử lý công việc kịp thời, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

Hiện nay cả 2/2 xã đều đạt tiêu chí Thông tin và truyền thông.

2.2.8. Về Nhà ở dân cư (tiêu chí số 9):

Trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, cấp ủy Đảng và chính quyền xác định đạt tiêu chí nhà ở dân cư là góp phần quan trọng để xây dựng bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Chính quyền địa phương phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tích cực vận động người dân chủ động xây dựng, chỉnh trang nhà cửa và các công trình phụ đảm bảo vệ sinh, gọn gàng, sạch sẽ. Từ năm 2011 đến nay thông qua các cuộc vận động, Quỹ “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Vì người nghèo” đã hỗ trợ xây mới và nâng cấp, sửa chữa cho hộ nghèo, hộ chính sách được 45 nhà ở nông thôn. Đến nay trên địa bàn 2 xã không còn hộ dân sống trong nhà tạm, nhà dột nát, đời sống vật chất, tinh thần của người dân từng bước được nâng lên.

Tổng số nhà ở dân cư trên địa bàn: 1.724, trong đó số nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định là 1.538 nhà, đạt 89,21% (*Nông Thương 750/873 hộ đạt 85,91%; Dương Quang 788/851 hộ đạt 92,6%*). Tăng 56,21% so với năm 2011 (*2011 510/1.544 nhà, đạt 33%*)

Hiện nay cả 2/2 xã đều đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

Về lĩnh vực nông lâm nghiệp: Những năm trước đây sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố quy mô nhỏ lẻ, manh mún, người dân sản xuất theo truyền thống chủ yếu là phục vụ cho gia đình, rất ít sản phẩm sản xuất mang tính hàng hóa, do vậy thu nhập của người dân từ nông nghiệp chưa cao. Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân, Thành phố tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng khai thác tiềm năng đất đai, lao động và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, áp dụng sản xuất công nghệ cao, Vietgap, nông nghiệp hữu cơ tạo sản phẩm an toàn, sản phẩm sạch, có truy xuất nguồn gốc, gắn mã vạch.

Kết quả sau 10 năm thực hiện thu nhập từ sản xuất nông nghiệp của người dân nông thôn được nâng lên, người dân được tiếp cận và được phục vụ các dịch vụ xã hội tốt hơn. Từng bước giảm dần khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn, cụ thể:

+ Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, Thành phố đã triển khai hướng dẫn người dân chuyển đổi đất kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao với diện tích là 38ha (rau các loại, hoa, cây ăn quả...). Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố có 1.500 ha, trong đó diện tích trồng mơ là 89ha; cây cam, quýt 75ha; cây chuối 115ha; đất trồng lúa 700ha; đất trồng ngô 200 ha; đất trồng rau 200 ha; còn lại là một số cây trồng khác. Giá trị sản phẩm nông sản thu được hàng năm đạt trung bình là 100 triệu đồng/ha.

+ Mô hình trồng rau công nghệ cao ban đầu được thực hiện tại phường Huyền Tụng với diện tích 1.500m² đã mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất, do vậy người dân mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô với diện tích là 6000m², các hộ dân tham gia mô hình công nghệ cao liên kết thành lập các hợp tác xã để sản xuất quy mô lớn hơn. Hiện tại đã sản xuất và tiêu thụ có hiệu quả các loại dưa lưới, rau, củ, quả...Ngoài ra, thành phố còn phát triển hơn 100ha rau theo hướng an toàn đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn thành phố.

+ Không chỉ tập trung đẩy mạnh phát triển lĩnh vực trồng trọt, Thành phố còn đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại, hiện thành phố có 3 trang trại và hơn 15 giai trại chăn nuôi Lợn, gia cầm được ứng dụng

các biện pháp chăn nuôi hữu cơ, bảo vệ môi trường góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

+ Với trên 9.000 ha đất lâm nghiệp, trong đó đất rừng trồng sản xuất khoảng 4.500ha, thành phố xác định tập trung phát triển mạnh về kinh tế rừng, hiện thành phố khoảng 300ha cây quế, 270 ha cây mỡ, 200 ha keo,...và trên 57 cơ sở, doanh nghiệp, HTX sản xuất chế biến lâm sản, đặc biệt có HTX Văn Quyển (Duong Quang) chế biến sản xuất hạt cườm gỗ bước đầu phát triển thành các sản phẩm mang tính giá trị chất lượng như: rèm cửa hạt gỗ, đệm ghế ô tô, chiếu hạt gỗ,...tạo sự phong phú trong phát triển sản phẩm từ cây gỗ.

+ Từ những mô hình sản xuất hiệu quả và những kinh nghiệm hay trong trồng trọt và chăn nuôi các hộ dân tự liên kết thành lập Hợp tác xã, tổ hợp tác đến nay trên địa bàn Thành phố có 02 tổ hợp tác, 39 HTX, trong đó có 28 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo công ăn việc làm cho trên 324 lao động; tổng doanh thu trung bình của mỗi HTX 1 tỷ đồng/năm (*HTX Tân Thành doanh thu trên 4 tỷ đồng/năm, HTX Văn Quyển 1,5 tỷ đồng/năm, HTX Hùng Tuyết 1,6 tỷ đồng/năm...*); thu nhập bình quân của các thành viên trong HTX là 5,2 triệu đồng/người/tháng.

+ Thực hiện Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP), Thành phố tập trung chỉ đạo, hướng dẫn và kết nối với các tổ chức, cá nhân và người dân trên địa bàn tham gia Chương trình để khai thác hiệu quả các lợi thế về điều kiện tự nhiên của từng địa phương để phát triển đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm nông lâm, thủy sản, dược liệu, sản phẩm phi nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển các loại hình kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn trong Chương trình xây dựng nông thôn mới. Sau 2 năm triển khai thực hiện, Thành phố có 28 sản phẩm OCOP (trong đó: 12 sản phẩm 4 sao, 16 sản phẩm 3 sao); các sản phẩm có chất lượng tốt, có sức cạnh tranh trên thị trường, mang đậm nét văn hóa như: Nghệ nano (dạng viên, bột, nước), tinh bột nghệ nếp, nghệ đen cao cấp, nấm linh chi, mộc nhĩ, lạp sườn, thịt lợn gác bếp, chuối sấy dẻo, rượu chuối, mơ vàng...

Về lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của Thành phố (56,7%) tổng mức bán lẻ hàng hóa năm 2020 là 3.200 tỷ đồng (tăng 2.372 tỷ đồng so với năm 2011), tăng 106% so với năm 2015.

+ Hoạt động thương mại - dịch vụ từng bước phát triển cả về số lượng, chất lượng và quy mô hoạt động. Thành phố thường xuyên tạo điều kiện và kêu gọi, thu hút đầu tư để phát triển hệ thống thương mại, hiện trên địa bàn thành phố có trung tâm mua sắm tại Vincom shophouse Bắc Kạn do Tập đoàn Vingroup đầu tư đi vào hoạt

động từ năm 2019; 02 siêu thị; 20 cửa hàng tiện lợi và hơn 3.900 doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh phân bố rải rác tại các xã, phường. Thị trường hàng hoá đa dạng, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Dịch vụ ngân hàng phát triển ổn định, hoạt động tiền tệ, tín dụng tăng trưởng, kịp thời đưa vốn vào phục vụ sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra Thành phố thường xuyên nâng cấp, sửa chữa, sắp xếp lại ngành hàng tại các chợ *Chợ Đức Xuân, Minh Khai, điểm mua bán Quang Sơn*, điểm kinh doanh bán hàng ăn đêm tại vỉa hè đường Thanh niên hoạt động ổn định, góp phần phát triển địa phương.

+ Hằng năm, Thành phố phối hợp cùng Sở công thương và các Sở ngành chủ động kết nối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia nhiều hoạt động để xúc tiến thương mại các sản phẩm của địa phương không chỉ đến người tiêu dùng trong tỉnh mà còn đến với người tiêu dùng trong và ngoài nước như: Ngày Hội nông sản vùng núi Phía Bắc, Hội chợ thương mại, Hội nghị kết nối cung cầu tỉnh Bắc Kạn, Tuần lễ giới thiệu sản phẩm hồng không hạt, bí xanh, ... tại Hà Nội, tham gia Hội chợ quốc tế tại Đà Nẵng, ... tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tổ chức, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân quảng bá sản phẩm, tạo sự liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa các doanh nghiệp, người sản xuất và người tiêu dùng.

Về lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn không ngừng tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 đạt 420 tỷ đồng (tăng 289 tỷ đồng so với năm 2011), tăng 17% so với năm 2015.

Thành phố Bắc Kạn phát triển khá về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất may mặc, sen hoa cửa sắt, đá xây dựng, gạch không nung, chế biến gỗ... Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có nơi sản xuất lâu dài, từng bước đưa các cơ sở gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, Thành phố đã tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng thu hút các nhà đầu tư xây dựng các Cụm công nghiệp Huyện Tụng, Cụm công nghiệp Huyện tụng I,II, cụm công nghiệp Sông Cầu.

+ Thành phố quan tâm hỗ trợ và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong dân nên nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp đã thành lập và hoạt động hiệu quả trên địa bàn thành phố Bắc Kạn như: Công ty CP Vĩnh Lâm Bắc Kạn, Công ty TNHH sản xuất TM&DV Ngọc Minh chuyên sản xuất dưa xuất sang thị trường Nhật Bản, Công ty TNHH Cucurmin Bắc Hà chuyên sản xuất các sản phẩm từ nghệ thành cucurmin, nano curcumin, ... xuất sang thị trường Thái Lan, Trung Quốc;

Công ty TNHH MTV thủy điện hòa bình xanh sản xuất điện; Công ty TNHH may Bắc Kạn chuyên sản xuất đồ may mặc; ... tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương cho ra nhiều sản phẩm đặc sắc, đặc sản của địa phương và

tham gia chương trình OCOP, góp phần tạo việc làm cho lao động và phát triển kinh tế địa phương. Năm 2020, có 5 sản phẩm tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.

2.3.1. Về thu nhập (tiêu chí số 10)

Để góp phần nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm và giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã, Thành phố đã chủ động hướng dẫn các xã lồng ghép các chương trình, triển khai các mô hình phát triển kinh tế giúp cho nhân dân ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, xử lý chất thải, tổ chức đánh giá và tuyên truyền nhân rộng các mô hình đem lại hiệu quả kinh tế cao, cụ thể: Đã triển khai thực hiện 21 mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ mua máy móc thiết bị cho tổ hợp tác, HTX trông sản xuất sản phẩm chủ lực của xã với tổng kinh phí hỗ trợ 3.500 triệu đồng; từ những chương trình này người dân đã chủ động đầu tư, nhân rộng mô hình, tích cực tham gia chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hợp tác sản xuất với các doanh nghiệp, HTX góp phần nâng cao thu nhập, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa gắn với chuỗi giá trị. Thu nhập bình quân đầu người tại 02 xã đến hết năm 2020 đạt trung bình 38,45 triệu đồng/người/năm, trong đó xã Dương Quang: 37,72 triệu đồng/người/năm, Nông Thượng 39,18 triệu đồng/người/năm tăng 31,45 triệu đồng/người/năm (so với năm 2011 trung bình thu nhập đạt 7 triệu đồng/người/năm).

Đến nay 2/2 xã đều đạt tiêu chí thu nhập.

2.3.2. Về hộ nghèo (tiêu chí số 11)

Sau 10 năm triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, bằng việc triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế, giảm nghèo thông qua các dự án phát triển sản xuất, tạo điều kiện cho các hộ vay vốn ngân hàng và các nguồn vốn khác; tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện các chương trình an sinh xã hội (*hỗ trợ mua thẻ BHYT, xây nhà cho các đối tượng chính sách*) cùng với sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của cộng đồng đã giải quyết cơ bản những vấn đề vướng mắc của hộ nghèo, cận nghèo... Vì vậy, công tác giảm nghèo đã đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Hiện tại, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều tại 2 xã còn 1,46% (*Dương Quang: 1,2%; Nông Thượng: 1,71%*). So với năm 2011 tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên địa bàn 2 xã là 5,6%, giảm được 4,15%.

Hiện nay cả 2/2 xã đạt tiêu chí Hộ nghèo.

2.3.3. Về lao động có việc làm (tiêu chí số 12)

Lao động có việc làm là một trong những tiêu chí quan trọng, là tiền đề để góp phần đạt các tiêu chí như Thu nhập, Hộ nghèo. Trong những năm qua, thành phố luôn

quan tâm đến giải quyết việc làm cho người dân nông thôn, tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm. Bên cạnh đó, các chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề được triển khai góp phần giúp các xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm trong xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, cũng tạo cơ hội cho người dân nông thôn có việc làm lâu dài, ổn định và nâng cao đời sống cho người dân nông thôn.

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thành phố đạt 92,37 % (*Dương Quang: 91,14%; Nông Thượng: 93,61%*).

Hiện tại đã có 2/2 xã đạt tiêu chí Lao động có việc làm.

2.3.4. Về Tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13)

Thành phố tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; trọng tâm tái cơ cấu ngành là tập trung phát triển kinh tế tập thể. Toàn Thành phố có 36 Hợp tác xã (HTX) hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012, xã Nông Thượng có 02 HTX (*đang thành lập mới thêm HTX Bánh gio Bắc Kạn và HTX Mơ vàng Hồng Hiến Bắc Kạn*), xã Dương Quang có 2 HTX, 03 doanh nghiệp, 4 cơ sở đầu tư, hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp. So với năm 2011 thì chưa có HTX nào được thành lập tại 2 xã. Nhìn chung, các HTX đã phục vụ tốt nhu cầu của các thành viên và các hộ nông dân về cung cấp dịch vụ đầu vào và quan trọng hơn việc liên kết với doanh nghiệp, hộ kinh doanh thu mua, tiêu thụ nông sản cho người dân giúp người dân tăng thu nhập, yên tâm sản xuất. Đặc biệt trên địa bàn 02 xã có 4 Tổ chức kinh tế tham gia Đề án “Mỗi xã, phường một sản phẩm”, có 4 sản phẩm OCOP của HTX Tân Thành, Dương Quang (năm 2021 xây dựng thêm 3 sản phẩm mới tại 2 đơn vị). Với 28 sản phẩm OCOP thành phố đang là đơn vị dẫn đầu trong thực hiện Chương trình OCOP của tỉnh, cùng với việc xây dựng các cửa hàng bán các sản phẩm OCOP, thực phẩm an toàn của thành phố, còn là nơi buôn bán, trung chuyển nhiều mặt hàng OCOP từ các huyện trong tỉnh và tỉnh bạn.

Hàng năm, các doanh nghiệp, HTX và Tổ hợp tác đều được tham gia tập huấn nâng cao về công tác quản trị, về chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ để ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất an toàn hữu cơ, Vietgap,...

Trên địa bàn các xã có nhiều mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản như: vùng sản xuất nghệ, chuối tây, rau an toàn, mơ, lạp sừng, thịt hun khói, bánh gio... Thành viên tham gia vào các mô hình liên kết được đào tạo, tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ để sản xuất ra nông sản an toàn, chất lượng.

Hiện nay cả 02 xã đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

2.4.1. Về Giáo dục - Đào tạo (tiêu chí số 14)

Công tác phát triển giáo dục ở 02 xã luôn được quan tâm chỉ đạo và duy trì thực hiện. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chất lượng giáo dục đào tạo ổn định và có nhiều mặt chuyển biến tích cực, cụ thể:

- + Số xã đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 02 xã.
- + Số xã đạt xóa mù chữ: 02 xã.
- + Số xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: 02 xã.
- + Số xã đạt phổ cập trung học cơ sở: 02 xã.
- + Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, bỏ túc học nghề: 91,175% (*Nông Thượng: 40/40, đạt 100%; Dương Quang 21/26 bằng 82,35%*).
- + Tổng số người có việc làm trên địa bàn xã đã được cấp văn bằng, chứng chỉ (người đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú): 1.659 người (*Dương Quang: 612 người; Nông Thượng: 1.047 người*).
- + Tổng số người có việc làm trên địa bàn xã (người đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú): 4.528 người (*Dương Quang: 2.373 người; Nông Thượng: 2.169 người*).
- + Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 37,03 % (*Nông Thượng: 48,27%; Dương Quang: 25,79%*).

Đến nay có 2/2 xã đạt tiêu chí Giáo dục.

2.4.2. Về Y tế (tiêu chí số 15)

Hệ thống tổ chức y tế cấp xã được củng cố và hoạt động hiệu quả, các Trạm y tế xã được đầu tư, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng khám chữa bệnh. Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, cụ thể:

+ Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 6.185/6.676 người đạt 92,65% (*Dương Quang: 2.990/3.111 người bằng 96,11%; Nông Thượng: 3.195/3.565 người bằng 89,62%*).

+ Số xã đạt tiêu chí người dân tham gia bảo hiểm y tế: 02 xã.

+ Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: 02 xã.

+ Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 18,74% (*Dương Quang: 66/259 em, bằng 25,48%; Nông Thượng: 56/392 em, bằng 14,28%*).

+ Số xã đạt tiêu chí về tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 02 xã.

Đến nay có 2/2 xã đạt tiêu chí về Y tế.

2.4.3. Về văn hóa (tiêu chí số 16)

Hàng năm các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao được diễn ra sôi nổi ở các xã, thôn với nhiều nội dung phong phú, đa dạng như: tổ chức giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các dân tộc; tổ chức các giải thi đấu TDTT (*cờ vua, bắn nỏ bóng chuyền hơi, kéo co, cầu lông,...*) vào các ngày Lễ, tết, ngày hội thể dục thể thao, ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc,... Qua đó đã thu hút đông đảo người dân trên địa bàn xã tham gia (*bình quân các ngày lễ, tết, hội có trên 90% người dân tham gia*), đồng thời phát hiện, lựa chọn ra vận động viên có thành tích xuất sắc vào đội tuyển thể thao của xã để tham gia các giải thi đấu cấp thành phố, cấp tỉnh (*hiện các xã đều có đội bóng chuyền hơi của xã, 80% số thôn có đội bóng chuyền hơi, xã Nông Thượng có 01 VĐV tham gia đội bắn nỏ của tỉnh tham gia thi đấu Trung ương,...*).

Với việc đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT đã góp phần xây dựng lối sống, nếp sống văn minh, văn hoá ở địa bàn dân cư. Đồng thời giúp người dân tích cực thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong tình từng bước được bảo tồn, phát huy. Đến hết năm 2020, tỷ lệ thôn bản đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2020 là 96% (*xã Dương Quang: 7/9 thôn đạt 77,8%, xã Nông Thượng: 13/15 thôn đạt 93,33%*) và tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa năm 2020 là 94% (*Nông Thượng: 95%, Dương Quang: 93%*).

Đến nay có 2/2 xã đạt tiêu chí Văn hóa.

2.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)

Trong những năm qua gắn với triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, công tác quản lý, bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho người dân được các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội đặc biệt quan tâm. Tích cực vận động nhân dân, các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thường xuyên thực hiện các hoạt động thu gom rác thải; cải tạo cảnh quan trên các tuyến đường làng, ngõ xóm và giữ gìn môi trường sống, chỉnh trang vườn tược, nhà cửa, hàng rào,... Kết quả:

+ Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, chiếm 100% và nước sạch theo quy định chiếm 50% (*02/02 xã đạt*).

+ Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100% (*02/02 xã đạt*).

+ Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - đẹp, an toàn: Các xã thường xuyên vận động từng hộ dân xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn, sạch đường làng ngõ xóm, cơ bản việc xả chất thải, nước thải rả ra môi trường đã được người dân thực hiện tương đối tốt hơn, dần đi vào nền nếp, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, 100% các thôn đã xây dựng hương ước, quy ước về vệ sinh chung công cộng, làng bản (*02/02 xã đạt*).

+ Các xã đều có quy hoạch khu nghĩa trang theo quy định. Tuy nhiên, việc mai táng hiện nay được người dân thực hiện theo phong tục, tập quán tại địa

phương các thôn đã chủ động xây dựng hương ước, quy ước về việc mai táng (02/02 xã đạt).

+ Hiện trạng thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung cơ bản đáp ứng quy định cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp cụ thể: Việc thu gom, xử lý chất thải, rác thải rắn có trên 80% hộ gia đình/xã thực hiện theo hình thức tự thu gom, xử lý tại hộ gia đình như tận dụng rác hữu cơ để phân hủy để làm phân bón tại nhà bằng hố rác di động. Những loại rác có thể tái chế, tái sử dụng (kim loại, giấy, cao su, nhựa,...) tận dụng lại hoặc bán phế liệu; lượng rác còn lại không tận dụng được nhân dân tự đào các hố tạm để chôn lấp tại vị trí phù hợp, vào mùa nắng xử lý bằng phương pháp đốt, hiện trên địa bàn có khoảng 30 lò đốt rác thải mini (Dương Quang 10 lò, Nông Thượng: 20 lò) tại một số thôn hoạt động hiệu quả; ngoài ra phát triển và duy trì 3 tổ thu gom rác thải tập trung tại 03 thôn Phặc Tràng, Nà Ổi (Dương Quang); Nam Đội Thân (Nông Thượng). Các chất thải, nước sinh hoạt tập trung được xã, thành phố quan tâm đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, xây mới trên 1000m rãnh thoát nước thải và hiện tượng nước thải xả ra ngoài đường được hạn chế trên 80%.

Hằng tháng các thôn tổ chức ra quân quét dọn đường làng, ngõ xóm đảm bảo xanh-sạch-đẹp (02/02 xã đạt).

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (chỉ tiêu $\geq 70\%$), cụ thể:

+ Tổng số hộ gia đình có nhà tiêu là 1.724/1.724 hộ, trong đó 1.458/1.724 hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định = 84,57% (Nông Thượng: 755/873, đạt 86,48%; Dương Quang: 703/851, đạt 82,61%).

+ Tổng số hộ gia đình có nhà tắm là 1.724/1.724 hộ đạt 100%, trong đó tổng số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh 1.508/1.724 hộ đạt 87,47% (Nông Thượng: 799/873, đạt 91,52%; Dương Quang: 709/851 hộ, đạt 83,31%) đảm bảo các điều kiện như: Nhà tắm kín đáo có tường bao, mái che, nước thải được xử lý và xả thải đúng quy định.

+ Tổng số hộ có bể chứa nước sinh hoạt là 1.724/1.724 hộ đạt 100%, trong đó tổng số hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh 1.498/1.724 hộ đạt 86,89% (Nông Thượng: 799/873, đạt 91,52%; Dương Quang: 699/851 hộ, đạt 82,1%) đảm bảo các điều kiện như: có dung tích phù hợp từng gia đình, đảm bảo chứa nước đáp ứng nhu cầu sử dụng, được xây bằng gạch, bê tông, bình Inox đảm bảo có van lấy nước và van xả nước, có nắp đậy ngăn ngừa các chất bẩn xâm nhập.

+ Thực hiện vệ sinh dọn dẹp nhà ở đảm bảo theo 3 sạch “sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp” theo nội dung cuộc vận động “xây dựng 5 không, 3 sạch” do Trung ương hội LHPN Việt Nam phát động. Qua rà soát, kiểm tra thực tế có 1.499/1.724 hộ đạt 86,94% (Nông Thượng: 799/873, đạt 91,52%; Dương Quang: 700/851 hộ, đạt 82,3%).

+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (chỉ tiêu $\geq 60\%$) là: 430/435 hộ, đạt 90,86% (Nông Thượng là 75/80 hộ, đạt 93,75%, Dương Quang là 355/355 hộ, đạt 100%), (02/02 xã đạt).

+ Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm là 74/74 hộ đạt 100% (Nông Thượng 42 hộ, Dương Quang 32 hộ), (02/02 xã đạt).

Hiện nay 2/2 xã đã đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

2.5.1. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh (tiêu chí số 18):

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố đã xây dựng hệ thống chính trị từ Thành phố đến các xã vững mạnh, đoàn kết, thống nhất cao; phát huy nội lực của toàn Đảng bộ gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng Đảng. Đánh giá chung qua 10 năm, chất lượng hoạt động của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến xã được nâng cao; năng lực, uy tín lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên; công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã được triển khai kịp thời đến người dân và đã được cụ thể trong kế hoạch hằng năm của từng đơn vị.

- Về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức: 100% xã có cán bộ, công chức đủ về số lượng, chất lượng, học vấn trình độ cao. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã có 34 người, trong đó: về chuyên môn Đại học 26 người (đạt tỷ lệ 76,47%), Cao đẳng 3 người (đạt tỷ lệ 8,82%), Trung cấp 5 người (đạt tỷ lệ 14,7%); Về lý luận chính trị: cao cấp 1 người (đạt tỷ lệ 2,94%), trung cấp 16 người (đạt tỷ lệ 47,06%), sơ cấp 4 người (đạt tỷ lệ 11,76%).

Trình độ đội ngũ cán bộ, công chức từ thành phố đến xã không ngừng được nâng lên và đạt chuẩn theo quy định; hằng năm, công tác đào tạo - bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị luôn được tiếp tục quan tâm và chú trọng.

- Về tổ chức hệ thống chính trị: 2/2 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Các tổ chức chính trị đều được tổ chức đầy đủ từ thành phố đến xã, khu dân cư. Hệ thống chính trị luôn được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, do đó chất lượng hoạt động không ngừng nâng lên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể các cấp đã thể hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và đồng hành cùng chính quyền trong xây dựng nông thôn mới; hằng năm đều xây dựng kế hoạch lồng ghép 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới với 5 nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", phối hợp chăm lo Tết cho người nghèo, gia đình chính sách, người có công, xây dựng nhà đại đoàn kết, làm đường giao thông nông thôn, thắp sáng đường thôn, vệ sinh môi

trường,... Vận động nhân dân hiến đất, ngày công, vật liệu để làm đường giao thông nông thôn, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo bền vững, phát động phong trào tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trong cộng đồng dân cư.

- 100% số xã hàng năm Đảng bộ được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu “chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

- Tổ chức chính trị - xã hội của 2/2 xã được các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thành phố hàng năm đánh giá, công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Về xây dựng các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Ủy ban nhân dân các xã đã hoàn thành tốt các tiêu chí tiếp cận pháp luật như: đảm bảo thi hành hiến pháp và pháp luật; thực hiện tốt các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã; phổ biến giáo dục pháp luật; thực hiện tốt hòa giải cơ sở; thực hiện tốt dân chủ cơ sở. Theo đó, 100% xã được UBND thành phố quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Công tác bình đẳng giới được cấp ủy các cấp đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn quy hoạch lãnh đạo nữ tại 100% xã trên địa bàn thành phố. Hiện 01/2 xã có lãnh đạo nữ là cán bộ chủ chốt (Phó Bí thư Thường Trực Đảng ủy xã). Các đoàn thể chính trị - xã hội luôn tạo điều kiện cho gia đình và cá nhân phụ nữ thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, khuyết tật được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các nguồn vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ chính sách... Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Các xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức (*hội họp, văn nghệ...*), phát thanh các chuyên mục về bình đẳng giới. 100% xã bố trí các địa chỉ tin cậy cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình.

Hiện nay 2/2 xã đã đạt về tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

2.5.2. Về quốc phòng - an ninh (tiêu chí số 19):

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Hàng năm, UBND các xã chỉ đạo thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “*Vững mạnh, rộng khắp*” và hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Ban Chỉ huy quân sự và dân quân các xã cơ bản đảm bảo yêu cầu về số lượng biên chế, chất lượng chính trị và huấn luyện kỹ chiến thuật. 100% thôn đội trưởng là đảng viên. Tuy nhiên, hiện nay 2/2 xã chỉ huy phó chưa được qua đào tạo trung cấp nghiệp vụ quân sự. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn theo quy định; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao và đảm bảo chất lượng. Đảm bảo 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương được đăng ký ngạch dự bị và quản lý chặt chẽ; 100% quân nhân dự bị, phương tiện dự bị được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao; quản lý tốt nguồn thanh niên trong độ tuổi thực hiện NVQS, độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV theo quy định.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người; không để xảy ra trọng án; tội phạm về tệ nạn xã hội (ma

tuý, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước. Hằng năm Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết về nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự. Đảng ủy các xã ban hành Nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Qua đó, Công an Thành phố, Công an xã xây dựng kế hoạch phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã tăng cường công tác tuyên truyền người dân chấp hành nghiêm các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật Nhà nước, trong đó chú trọng đến tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Đồng thời đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình phong trào tự quản, phòng, chống tội phạm hiệu quả. Công tác bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở đã thành lập các tổ và luôn duy trì hoạt động tốt trong công tác an ninh trật tự ở khu vực nông thôn như: tổ tự quản, tổ dân quân tự vệ, tổ thanh niên xung kích... Nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội các năm qua luôn được giữ vững, ổn định và đảm bảo bình yên. Trên địa bàn các xã không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không có vụ việc khiếu kiện đông người.

Không để xảy ra các vụ trọng án trên địa bàn, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiềm chế không gia tăng, đảm bảo bình yên. Lực lượng Công an xã thường xuyên được củng cố, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trang bị đảm bảo đủ biên chế, chất lượng hoạt động; xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh. Hằng năm, các xã đều được công nhận đạt “An toàn về ANTT”.

Qua 10 năm triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, cấp ủy, chính quyền các cấp đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc của nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, làm tốt công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn đã tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Bắc Kạn và 02 xã nông thôn mới.

Hiện tại đã có 2/2 xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh.

3. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Qua 10 năm triển khai thực hiện Chương trình dưới sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Thành phố luôn thực hiện nghiêm các Chỉ thị, văn bản chỉ đạo về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách Nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; chấp hành đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng, thực hiện chặt chẽ việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn, trong đó bao gồm các dự án đầu tư xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Thực hiện quản lý, theo dõi, đề xuất danh mục bố trí vốn Kế hoạch trung hạn ngân sách tỉnh và ngân sách Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tạo tính đồng nhất và thuận lợi trong việc lồng ghép các chương trình. Kịp thời phân bổ nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi

đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Đồng thời, chỉ đạo sát sao chủ đầu tư trong công tác lập báo cáo quyết toán, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành để cân đối, bố trí nguồn kinh phí ưu tiên thanh toán nợ khối lượng theo hồ sơ quyết toán được duyệt.

Thực hiện Văn bản số 8932/BKHĐT-KTNN ngày 01/11/2017 của Bộ Kế hoạch và đầu tư, UBND thành phố đã rà soát danh mục dự án nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới. Nhờ làm tốt công tác chỉ đạo, quản lý chặt chẽ công nợ của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên từ năm 2011 đến nay, Thành phố Bắc Kạn không có nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

Trong 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trên địa bàn thành phố đã đạt được một số kết quả nổi bật như:

- Tạo thay đổi lớn về nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, bước đầu tạo sự chủ động, trách nhiệm và sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực trong nhân dân.

- Tổ chức bộ máy chỉ đạo, quản lý điều hành xây dựng nông thôn mới từ thành phố đến xã, thôn thường xuyên được củng cố, kiện toàn đầy đủ và duy trì hoạt động.

- Các tiêu chí đạt được tăng dần qua các năm, các tiêu chí về nông thôn mới, đã hoàn thành là điều kiện để sớm thực hiện hoàn thành các tiêu chí còn lại. Năm 2017 có 01/02 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt, an ninh luôn được đảm bảo, bộ mặt nông thôn đã có nhiều khởi sắc, cụ thể: Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa, đi lại thuận tiện quanh năm đạt 79%; điện, trường học, trạm y tế thường xuyên được nâng cấp, tu sửa đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân, thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 38,45 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm chỉ còn 1,4%; tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế trên địa bàn nông thôn đạt trên 85%; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%,...

Có được kết quả trên nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành tỉnh Bắc Kạn; sự quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBMT Tổ Quốc, UBND thành phố, nhất là vai trò của người đứng đầu trong việc bám sát quan điểm, mục tiêu và giải pháp để xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể và tập trung chỉ đạo, huy động lồng ghép các nguồn lực cho Chương trình; phát huy tính tự lực, chủ động của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong phát động, tham gia hưởng ứng các phong trào xây dựng NTM ở cơ sở; phát

huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng NTM.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Quản lý cấp xã trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm công tác không đồng đều, do vậy chưa theo kịp yêu cầu ngày một cao trong tham mưu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; thiếu cán bộ làm việc chuyên trách nên hiệu quả hoạt động còn hạn chế, nhiều nội dung tham mưu chưa đạt tiến độ.

- Một số thành viên Ban Chỉ đạo các cấp chưa chủ động dành thời gian cho hoạt động của BCD, BQL; chưa quan tâm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn địa bàn được phân công phụ trách. Một số vướng mắc thuộc lĩnh vực ngành phụ trách chậm được tháo gỡ.

- Công tác phối hợp giữa các ngành thành viên và cơ quan thường trực Ban chỉ đạo chưa đồng bộ, dẫn đến việc thu thập thông tin, tổng hợp, báo cáo tổng hợp chưa kịp thời, số liệu chưa đầy đủ.

- Công tác chỉ đạo điều hành của xã còn lúng túng, chưa bám sát nhiệm vụ chỉ đạo của cấp trên, chưa chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của đơn vị và xác định thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng nên hoạt động chỉ đạo còn chung chung, dàn trải.

- Công tác thông tin tuyên truyền có nơi, có lúc chưa thật sự đáp ứng yêu cầu; năng lực, kiến thức và kỹ năng tuyên truyền của cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, nên một bộ phận nhân dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nhà nước, không muốn vươn lên trong đời sống ảnh hưởng phần nào đến kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn lực huy động xây dựng nông thôn mới trong dân còn khiêm tốn, chưa huy động được nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình còn thấp nên một số tiêu chí đạt nhưng ở mức tối thiểu, chất lượng chưa cao và chưa đảm bảo tính bền vững như: Y tế, giáo dục, an ninh trật tự...

- Việc tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình còn chậm và chưa đạt yêu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

- Xây dựng Nông thôn mới là một chương trình lớn có tác động trực tiếp trên mọi lĩnh vực đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Vì vậy phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, giải thích để mọi người dân hiểu rõ mục tiêu của xây dựng Nông thôn mới là phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường, nâng cao thu nhập và đời sống người dân, nhân

dân là chủ thể trong xây dựng NTM, mọi việc dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ, để từ đó nhân dân tin tưởng và tích cực, tự giác tham gia.

“Xây dựng NTM phải thực chất, không chạy theo thành tích”; biết khơi dậy, động viên phong trào, đưa chỉ tiêu “xây dựng nông thôn mới” thành chỉ tiêu thi đua quan trọng để đánh giá, xếp loại tổ chức cán bộ; cần nhân rộng phương thức thường theo kết quả đầu ra.

- Cấp ủy và UBND các cấp từ thành phố đến xã phải chủ động triển khai thực hiện, xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể cho từng tiêu chí, từng giai đoạn. Các bước tiến hành phải được tính toán một cách khoa học, trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Trong đó xác định các nhiệm vụ ưu tiên làm khâu đột phá, để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Xây dựng NTM phải trên cơ sở kế thừa, phát huy và phát triển bền vững những tiêu chí đã đạt, bổ sung, nâng cấp, chỉnh trang để hoàn thiện những tiêu chí gần đạt và tập trung chỉ đạo quyết liệt những tiêu chí khó đạt. Thực hiện mạnh mẽ xã hội hóa để huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, con em xa quê thành đạt và cộng đồng doanh nghiệp có tâm huyết với địa phương nhằm tạo thêm nguồn vốn kết hợp với vốn ngân sách để tập trung vào các công trình phúc lợi công cộng thuộc nhóm không có hỗ trợ của nhà nước.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức, hộ gia đình có nhiều đóng góp xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là trên hệ thống truyền thanh và trên các diễn đàn về xây dựng NTM ở địa phương, tạo động lực thúc đẩy phong trào xây dựng NTM.

- Thường xuyên kiểm tra cơ sở, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp tháo gỡ và định hướng cho cơ sở triển khai thực hiện. Tổ chức tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương; xây dựng mô hình mẫu điển hình theo từng tiêu chí, nội dung, đảm bảo thuyết phục, sát thực, hiệu quả, tạo động lực thi đua lẫn nhau.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA THÀNH PHỐ

1 Quan điểm

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; là cuộc vận động toàn diện trên tất cả các lĩnh vực; là cơ sở để xây dựng thành phố Bắc Kạn trong thời gian tới đảm bảo văn minh, giàu, đẹp. Thực hiện nông thôn mới theo hướng tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt, đảm bảo luôn phát triển, ổn định và bền vững.

Phát triển nông thôn mới gắn triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn với thực hiện sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tập trung xây dựng và nhân rộng mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với các nông sản có thế mạnh của thành phố, tạo ra bước phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá đạt năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, nâng cao thu nhập và đời sống người dân.

Khai thác hiệu quả lợi thế về vị trí địa lý, các cụm công nghiệp, giữ vững và phát triển các sản phẩm OCOP của địa phương, tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, bám sát quan điểm, mục tiêu của Trung ương đề ra được Chương trình xây dựng nông thôn mới sau năm 2020 trên địa bàn Thành phố với mục tiêu sát với tình hình thực tế; xác định tiêu chí, nhiệm vụ cụ thể cần tập trung nâng cao chất lượng, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương theo hướng bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng và trình độ của đội ngũ cán bộ, nhất là ở cơ sở ngày càng chuyên nghiệp, để tạo động lực phát triển và quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Thành phố và Tỉnh đã đề ra đến 2025.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ngày càng hiện đại, đồng bộ, chuyên dịch cơ cấu kinh tế và tổ chức sản xuất hợp lý. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đi đôi với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với xây dựng đô thị theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, an ninh trật tự xã hội được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, nâng cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*xã Nông Thượng 2023 và xã Dương Quang 2025*).

- Phấn đấu xã Nông Thượng đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2025.

- Phấn đấu có 100% số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

- Các chỉ tiêu tác động trực tiếp đến đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân đến năm 2025: Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 51 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo dưới 1,6%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy định: 90%.

*** Dự kiến lộ trình và danh mục các xã, thôn cụ thể thực hiện trong giai đoạn 2021-2025**

- Tổng số thôn phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: 15 thôn, trong đó xã Nông Thượng 9 thôn; Dương Quang 6 thôn.

- Tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Dương Quang: 13 tiêu chí.

- Tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Nông Thượng: 6 tiêu chí.

- Nhóm tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu xã Nông Thượng: 04 nhóm. Cụ thể chi tiết từng năm như sau:

Năm 2021

* Về nông thôn mới nâng cao:

- Xã Nông Thượng hoàn thành thêm 03 tiêu chí (*Quy hoạch, Trường học, Thu nhập*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số tiêu chí đạt nâng cao lên 14/17 tiêu chí.

- Xã Dương Quang hoàn thành thêm 04 tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới nâng cao (*Thủy lợi, Thông tin & Truyền thông; an ninh quốc phòng, y tế*), nâng tổng số tiêu chí nâng cao lên 8/17 tiêu chí.

* Thôn nông thôn mới:

+ Phần đầu có 03 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (*thôn Bản Bung, thôn Nà Rào xã Dương Quang; thôn Khuổi Cường xã Nông Thượng*), nâng tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới lên 12/24 thôn.

Năm 2022

* Về nông thôn mới nâng cao:

- Xã Nông Thượng hoàn thành thêm 03 tiêu chí (*Cơ sở vật chất văn hóa; Giáo dục và Đào tạo, Môi trường*) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số tiêu chí đạt nâng cao lên 17/17 tiêu chí.

- Xã Dương Quang có thêm 04 tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới nâng cao (*Giao thông, cơ sở vật chất văn hóa; Lao động có việc làm thường xuyên, Giáo dục và đào tạo*), nâng tổng số tiêu chí đạt nâng cao lên 12/17 tiêu chí.

* Thôn nông thôn mới:

- Phần đầu có 03 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (*thôn Quan Nua, thôn Phặc Tràng xã Dương Quang; thôn Khau Cút, xã Nông Thượng*), nâng tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới lên 15/24 thôn.

Năm 2023:

* Về nông thôn mới nâng cao:

- Hoàn thiện các thủ tục đề nghị công nhận xã Nông Thượng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Xã Dương Quang có 03 tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*dự kiến Quy hoạch, nhà ở dân cư; tổ chức sản xuất*), nâng tổng số tiêu chí đạt nâng cao lên 15/17 tiêu chí.

* Thôn nông thôn mới:

- Phân đầu có 03 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (*thôn Nà Cườm xã Dương Quang; thôn Nà Choong, Nà Kẹn xã Nông Thượng*), nâng tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới lên 18/24 thôn.

Năm 2024:

* *Về nông thôn mới kiểu mẫu:*

- Xã Nông Thượng hoàn thành 02 nhóm tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu (*an ninh, trật tự - hành chính công và sản xuất, thu nhập, hộ nghèo*).

* *Về nông thôn mới nâng cao:*

- Xã Dương Quang có 02 tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*Trường học, Môi trường và an toàn thực phẩm*), nâng tổng số tiêu chí đạt nâng cao lên 17/17 tiêu chí.

* *Thôn nông thôn mới:*

- Phân đầu có 03 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (*thôn Bản Giếng xã Dương Quang; thôn Nà Diểu, Thôn Luông xã Nông Thượng*), nâng tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới lên 21/24 thôn.

Năm 2025:

* *Về nông thôn mới kiểu mẫu*

- Xã Nông Thượng hoàn thành 02 nhóm tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu và đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (*giáo dục, y tế, văn hóa và Môi trường*).

* *Về nông thôn mới nâng cao*

- Xã Dương Quang đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

* *Thôn nông thôn mới*

- Phân đầu có 03 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới (*thôn Nà Chuông, Nà Vịt, Nam Đồi Thân xã Nông Thượng*), nâng tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới lên 24/24 thôn.

3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

3.1. Về Quy hoạch

Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới và các quy định về tiêu chí quy hoạch theo Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 6/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2018-2020. Trong đó, quy hoạch cần quan tâm gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển công nghiệp dịch vụ và đưa nông sản chủ lực của Thành phố trở thành sản phẩm đạt chuẩn OCOP trong tỉnh, trong nước. Trong quá trình rà soát điều chỉnh quy hoạch cần quan tâm đến yếu tố hài hòa, bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo đảm tính liên kết tỉnh và liên kết vùng.

3.2. Về hạ tầng kinh tế xã hội

3.2.1. Về Giao thông

Đẩy mạnh đầu tư hệ thống giao thông nội thị và các địa phương lân cận theo kế hoạch đã được phê duyệt, trong đó chú trọng tập trung ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối đô thị và nông thôn đồng bộ, hiện đại. Thực hiện tốt việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống giao thông theo phân cấp; hàng năm, có cân đối nguồn ngân sách bố trí kinh phí để thực hiện. Kết hợp thực hiện tốt các dự án giao thông trọng điểm của Tỉnh và Trung ương.

3.2.2. Về Thủy lợi

Tiếp tục rà soát, đầu tư xây dựng, cải tạo hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi hợp lý, kịp thời việc ứng phó tình hình biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đô thị hóa. Tổ chức quản lý, khai thác tốt các công trình thủy lợi đã được đầu tư.

3.2.3. Về Điện

Duy trì 100% các xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn điện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sử dụng điện hiện nay của người dân, không để tình trạng thiết bị điện cũng như chất lượng nguồn điện kém, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân.

3.2.4. Về Trường học

Tập trung ưu tiên huy động lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống các trường Mầm non, Tiểu học. Trung học cơ sở trên địa bàn các xã, đảm bảo đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia theo tỷ lệ quy định. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục, giữ gìn nề nếp, kỷ cương, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý giáo dục.

3.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa

Tiếp tục duy tu, cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định. Giao nhiệm vụ các đơn vị chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị xã, phường tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; trang bị thêm thiết bị cần thiết, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư... thu hút được người dân đến sử dụng.

Đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng tác nghiệp cho cán bộ phụ trách phong trào ở cơ sở; duy trì và phát triển tốt các loại hình văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, làm phong phú thêm đời sống tinh thần người dân.

3.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Tiếp tục thu hút đầu tư cơ sở vật chất các chợ trên địa bàn thành phố, đáp ứng với chỉnh trang đô thị, phục vụ nhu cầu kinh doanh của các hộ tiểu thương, đảm bảo văn minh đô thị, văn minh thương mại.

3.2.7. Thông tin và Truyền thông

Phối hợp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nâng cấp, duy tu, bảo trì các công trình thông tin và truyền thông (*Bưu điện văn hóa xã, các tuyến cáp viễn thông, trạm BTS, hệ thống phát thanh và truyền thanh cơ sở*) đảm bảo nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ.

Tiếp tục đảm bảo hoạt động tốt hệ thống loa tiếp âm không dây đến 100% địa bàn khu dân cư. Đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành trong các hoạt động hành chính, công vụ, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

3.2.8. Nhà ở dân cư

Tiếp tục tuyên truyền, vận động các nguồn lực từ xã hội hóa để tập trung hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; vận động nhân dân cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang nhà ở, cải tạo ao, vườn, sân, ngõ xóm đảm bảo tỷ lệ số nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.

3.3. Về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất

3.3.1. Về Thu nhập

Tiếp tục triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển ngành nông nghiệp liên kết chế biến sâu theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đảm bảo nâng cao thu nhập bình quân đầu người tại các xã phân đầu đạt chuẩn theo quy định.

3.3.2. Về Hộ nghèo

Tiếp tục triển khai đồng bộ chương trình giảm nghèo bền vững; tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, trực tiếp tham gia các chương trình phát triển kinh tế, hỗ trợ học nghề kết hợp với việc làm cho người nghèo, cận nghèo để thoát nghèo bền vững, góp phần tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân.

3.3.3. Về Lao động có việc làm

Thực hiện tốt các chính sách về việc làm đối với lao động trong độ tuổi. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tiếp tục quan tâm công tác tư vấn học nghề và việc làm; đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn để thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động có hiệu quả. Duy trì và có những giải pháp cụ thể để nâng cao tỷ lệ lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động. Xây dựng chính sách hỗ trợ cho người trong độ tuổi lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận vốn vay đi xuất khẩu lao động.

3.3.4. Về tổ chức sản xuất:

Phát huy tiềm năng, lợi thế của thành phố đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, thương mại, gắn với phát triển các sản phẩm OCOP, làng nghề, sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ vào sản xuất nâng cao giá trị kinh tế... Thu hút và thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tập trung phát triển kinh tế tập thể THT, HTX mới; đồng thời củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Hợp tác xã, tổ hợp tác đã có; tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh và thành phố.

3.4. Về Nâng cao chất lượng về văn hóa, xã hội và môi trường

3.4.1. Về Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục duy trì thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học theo quy định. Duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt từ 95% trở lên; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 60% trở lên.

3.4.2. Về Y tế

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế; duy trì và nâng cấp các trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh và phục vụ y tế ở cơ sở, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy sinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) tại 2 xã đạt ở mức dưới 26,7%.

3.4.3. Về Văn hóa

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

Tiếp tục quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao, từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn; nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phát động.

3.4.4. Về Môi trường và an toàn thực phẩm

Phân đầu tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia đạt từ 70% trở lên. Tỷ lệ hộ chăn nuôi thực hiện xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt theo quy định. Đồng thời tăng tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn các xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; duy trì và nâng cao tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

Tiếp tục nhân rộng mô hình “5 không, 3 sạch” và phát triển mới nhiều tuyến đường hoa; 100% xã duy trì và phát triển mới trên các tuyến đường chính đều có

hoa và là tuyến đường đẹp, đặc biệt là xã Nông Thuận dự kiến xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã; tổ chức nhiều biện pháp và có hiệu quả việc thu gom, xử lý vỏ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định.

3.5. Về hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh

3.5.1. Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở vững mạnh đi đôi với tăng cường sự lãnh, chỉ đạo quyết liệt của các cấp uỷ đảng sự điều hành của Nhà nước, sự vào cuộc của các cấp, các ngành; đoàn thể bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị tại địa phương. Đặc biệt là giữ vững và nâng chất các tiêu chí Thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục tăng cường tính công khai, minh bạch đi đôi với công tác cải cách thủ tục hành chính và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân đúng quy định pháp luật.

Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn về chuyên môn và lý luận chính trị, trong đó: các chức danh cán bộ chủ chốt có ít nhất 01 nữ và 100% có trình độ từ đại học trở lên. Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị- xã hội ở cơ sở 100% đạt vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu của tiêu chí; hàng năm có 100% xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

3.5.2. Về Quốc phòng và An ninh

Hàng năm, 100% xã hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương và được công nhận “An toàn về ANTT”.

4. Một số giải pháp thực hiện

- Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn Thành phố; đẩy mạnh phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và phòng trào “ Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới”, xem đây là nhiệm vụ chính trị của đơn vị, nhằm không ngừng nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp dân cư, làm nền tảng để xây dựng thành công xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới. Tổ chức phổ biến, quán triệt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới để cán bộ, Đảng viên và nhân dân

hiều và chủ động tự giác tham gia, thực hiện có hiệu quả nhằm góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

- Các cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường sự lãnh chỉ đạo trong xây xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc. Thực hiện Chương trình kiên trì, quyết liệt, làm đến đâu chắc đến đó, không chủ quan, nóng vội.

- Các cơ quan, đơn vị, các địa phương phải vào cuộc một cách quyết liệt, đồng bộ, trên cơ sở các tiêu chí được phân công phụ trách, các phòng chuyên môn có kế hoạch, biện pháp cụ thể để chỉ đạo, hướng dẫn các xã thực hiện đạt các tiêu chí theo lộ trình, kế hoạch đề ra; gắn trách nhiệm hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới được phân công với nhiệm vụ của các phòng và công tác thi đua hằng năm.

- Tranh thủ và huy động nhiều nguồn lực để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới; thực hiện tốt việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án, sự đóng góp của các HTX, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân đóng trên địa bàn để tạo ra nguồn lực tổng hợp, đặc biệt tích cực huy động nguồn lực trong nhân dân để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới theo phương châm “Dân làm Nhà nước hỗ trợ”, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội cùng chung tay xây dựng NTM.

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, huy động tối đa các nguồn lực để tạo khâu đột phá trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới, trong đó chú trọng việc đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giảm nghèo nhanh, bền vững. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân; lấy phục vụ lợi ích cho cư dân nông thôn làm động lực trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới.

- Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới phải thực chất, bền vững trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, tiềm năng, lợi thế của từng xã, từng thôn để xác định cụ thể các nội dung, nhiệm vụ và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

5. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí đầu tư thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đặc biệt là các tiêu chí cần

nguồn lực lớn đến thực hiện như: giao thông, trường học, y tế cơ sở vật chất văn hóa, môi trường...

(Kèm theo biểu đánh giá, so sánh kết quả 19 tiêu chí NTM tại 02 xã và 02 Quyết định công nhận công nhận xã Dương Quang và Nông Thượng đạt chuẩn nông thôn mới)

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 394/BC-UBND ngày 25/9/2020 của UBND thành phố Bắc Kạn.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới của Thành phố Bắc Kạn, UBND thành phố Bắc Kạn kính đề nghị UBND tỉnh thẩm tra, xem xét trình Trung ương thẩm định, xét công nhận Thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020. /

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như kính gửi;
- VP Điều phối XD NTM tỉnh;
- TT Thành ủy, HDND TP;
- Lãnh đạo UBND thành phố;
- Các TV BCĐ chương trình MTQG TP;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các xã, phường;
- Lưu VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Hữu Bường

BIỂU SO SÁNH KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2011 VÀ ĐẾN NĂM 2020
 (Kèm theo Báo cáo số 228 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố Bắc Kạn)

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011	
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng		
1	1.1	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	0/2 xã	Đang triển khai xây dựng Đồ án QH	Đang triển khai xây dựng Đồ án QH	2/2 xã	Đạt	Đạt	Quy hoạch đã được phê duyệt và niêm yết công khai
	1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch	Đạt	0/2 xã			2/2 xã	Đạt	Đạt	Có văn bản quản lý quy hoạch chung theo quy định
2	2.1	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	0/2 xã (nhựa hóa, bê tông hóa 5/17 km, đạt 29,41%)	50% (nhựa hóa, bê tông hóa 5/10 km)	0% (nhựa hóa, bê tông hóa 0/7 km)	2/2 xã (nhựa hóa, bê tông hóa 17/17km, đạt 100%)	100% (nhựa hóa, bê tông hóa 10/10 km)	100% (nhựa hóa, bê tông hóa 7/7km)	Nhựa hóa, bê tông hóa thêm 12 km.
	2.2	Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 50%	0/2 xã	0% (bê tông hóa 0/10 km, đạt 0%)	0%(nhựa hóa, bê tông hóa 0/17,2 km, đạt 0%)	2/2 xã	75% (bê tông hóa 7,5/10km)	70,93% (bê tông hóa 12,2/17,2 km)	Bê tông hóa thêm 19,7 km.
	2.3	Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (50% cứng hóa)	0/2 xã	0% (được cứng hóa 0/11,7km)	0% (được cứng hóa 0/11,848km)	2/2 xã	79,49% (cứng hóa 9,3/11,7km)	63,54% (cứng hóa 7,528/11,848 km)	Cứng hóa thêm 16,828 km
	2.4	Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt	0/2 xã	0% (cứng hóa 0/1km)	không có	2/2 xã	100% (cứng hóa 1/1km)	không có	Cứng hóa thêm 1km

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011	
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng		
3	3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt (tỷ lệ diện tích đất sx NN được tưới, tiêu chủ động đạt 100%)	Đạt (tỷ lệ diện tích đất sx NN được tưới, tiêu chủ động đạt 100%)		
	3.2	Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh và theo đúng quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	2/2 xã đạt	Đạt (hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa đạt 56%)	Đạt (hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa đạt 50%)	2/2 xã	Đạt	Đạt	
4	4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	4.2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	95%	2/2 xã	100% (748/748 hộ)	96% (796/796 hộ)	2/2 xã	100% (851/851 hộ)	100% (873/873 hộ)	Trung bình tăng 2%

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
5	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	70%	0/2 xã	0% (0/3 trường)	0% (0/3 trường)	2/2 xã	70% (2/3 trường)	70% (2/3 trường)	Đầu tư nâng cấp, xây mới thêm 06 trường, trong đó có 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và 01 trường có cơ sở vật chất thiết bị đáp ứng chuẩn quốc gia. Năm 2011 chưa có trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn về trang thiết bị và cơ sở vật chất dạy học
6	6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ văn hóa, thể thao của xã.	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	Đầu tư nâng cấp và xây mới 02 nhà văn hóa và 02 sân thể thao xã
	6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	6.3 Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	0/2 xã	Chưa đạt (0/10 thôn)	Chưa đạt (có 0/15 thôn)	2/2 xã	100% (10/10 thôn)	100% (15/15 thôn)	Đầu tư nâng cấp, xây mới thêm 25 nhà văn hóa thôn và 10 khu thể thao thôn theo quy định

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
7	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	0/2	không có chợ	không có chợ	2/2 xã	có 01 điểm mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng Quyết định 4800 của BCT	có 01 điểm mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng Quyết định 4800 của BCT	
8	8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	1/2 xã	Chưa đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	Đầu tư nâng cấp 02 điểm phục vụ bưu chính đạt chuẩn theo quy định
	8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa phát thanh tới các thôn (70% trở lên)	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	đầu tư nâng cấp xây mới 2 hệ thống đài truyền thanh
	8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
9	9.1 Nhà tạm, nhà dột nát	Không	1/2 xã	Không	có 04 hộ	2/2 xã	không	không	không có nhà tạm nhà dột nát
	9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	75%	0/2 xã	15% (112/748 hộ)	50% (398/796 hộ)	2/2 xã	92,6% (788/851 hộ)	85,91% (750/873hộ)	

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
10	Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn.	36 triệu	0/2 xã	Chưa đạt (7 tr.đồng)	Chưa đạt (7tr.đồng)	2/2 xã	Năm 2019: Đạt 35,95 tr.đồng. năm 2020 đạt 37,72 tr.đồng	Năm 2019 đạt 33,56 tr.đồng. Năm 2020 đạt 39,18 tr.đồng	So 2011
11	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	<12%	0/2 xã	7,2%	4%	2/2 xã	1,20%	1,71%	giảm 2,69%; 4,15
12	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	91,14% (2.447/2.685)	93,61% (2.619/2.817)	
13	13.1 Xã có HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012	Đạt	0/2 xã	Không	Không	2/2 xã	Đạt (có 02 HTX)	Đạt (có 01 HTX)	Có 04 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012, hoạt động có hiệu quả
	13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
14	14.1 Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS được giữ vững	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	70%	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	14.3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	>25%	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt 25,79% (612/2.373 người)	Đạt 48,27% (1.047/2.169 người)	
15	15.1	Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	≥ 85%	1/2 xã	50%	100%	2/2 xã	96,11% (2.990/3.111 người)	89,62% (3.195/3.565 người)	
	15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt	≤26,7%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	25,48% (66/259 trẻ)	14,29% (56/292 trẻ)	
16		Tỷ lệ thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	0/2 xã	Chưa	Chưa	2/2 xã	80%	93,30%	
17	17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90% (≥ 50% nước sạch)	0/2 xã	90% nước HVS	90% nước HVS	2/2 xã	100% nước HVS; 55,95% nước sạch theo quy định	100% nước HVS; 50% nước sạch theo quy định	
	17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	1/2 xã	40%	100%	2/2 xã	100% (41/41 hộ)	100% (71/71 hộ)	
	17.3	Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	17.4	Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	17.5	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	có 03 tổ thu gom rác thải và hơn 20 lò đốt thối rác thải tập trung, 10 xe, thùng rác di động.
	17.6	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	82%	88%	
	17.7	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	100% (355/355%)	93,75% (78/80 hộ)	
	17.8	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	100%	100%	
18	18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.2	Có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.3	Đảng bộ, chính quyền xã đạt "trong sạch vững mạnh".	Đạt	1/2 xã	chưa đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.4	Tổ chức chính trị xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	100%	100%	
	18.5	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	18.6	Xã đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	19.1	Xây dựng được lực lượng dân quân “vững mạnh rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
19	19.2	Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

Ghi chú: Năm 2011, Thành phố Bắc Kạn có 4 xã thực hiện NTM (Nông Thượng, Dương Quang, Huyền Tụng, Xuất Hóa). Đến năm 2015, Thành phố Bắc Kạn còn 02 xã thực hiện Chương trình MTQG NTM là Nông Thượng và Dương Quang do ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH13. Theo đó, chuyển 2 xã Xuất Hóa và Huyền Tụng thành 2 phường có tên tương ứng.

BIỂU SO SÁNH KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2011 VÀ ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số 228 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND thành phố Bắc Kạn)

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011	
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng		
1	1.1.	Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	0/2 xã	Đang triển khai xây dựng Đồ án QH	Đang triển khai xây dựng Đồ án QH	2/2 xã	Đạt	Đạt	Quy hoạch đã được phê duyệt và niêm yết công khai
	1.2	Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện quy hoạch	Đạt	0/2 xã			2/2 xã	Đạt	Đạt	Có văn bản quản lý quy hoạch chung theo quy định
2	2.1	Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	0/2 xã (nhựa hóa, bê tông hóa 5/17 km, đạt 29,41%)	50% (nhựa hóa, bê tông hóa 5/10 km)	0% (nhựa hóa, bê tông hóa 0/7 km)	2/2 xã (nhựa hóa, bê tông hóa 17/17km, đạt 100%).	100 % (nhựa hóa, bê tông hóa 10/10 .km)	100 % (nhựa hóa, bê tông hóa 7/7km)	Nhựa hóa, bê tông hóa thêm 12 km.
	2.2	Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥ 50%	0/2 xã	0% (bê tông hóa 0/10 km, đạt 0%)	0%(nhựa hóa, bê tông hóa 0/17,2 km, đạt 0 %)	2/2 xã	75% (bê tông hóa 7,5/10km)	70,93% (bê tông hóa 12,2/17,2 km)	Bê tông hóa thêm 19,7 km
	2.3	Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	100% (50% cứng hóa)	0/2 xã	0% (được cứng hóa 0/11,7km)	0% (được cứng hóa 0/11,848km)	2/2 xã	79,49% (cứng hóa 9,3/11,7km)	63,54% (cứng hóa 7,528/11,848 km)	Cứng hóa thêm 16,828 km
	2.4	Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt	0/2 xã	0% (cứng hóa 0/1km)	không có	2/2 xã	100% (cứng hóa 1/1km)	không có	Cứng hóa thêm 1km

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011	
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng		
3	3.1	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt (tỷ lệ diện tích đất sx NN được tưới, tiêu chủ động đạt 100%)	Đạt (tỷ lệ diện tích đất sx NN được tưới, tiêu chủ động đạt 100%)		
	3.2	Hệ thống thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, phục vụ dân sinh và theo đúng quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	2/2 xã đạt	Đạt (hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa đạt 56%)	Đạt (hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Tỷ lệ km kênh mương được kiên cố hóa đạt 50%)	2/2 xã	Đạt	Đạt	
4	4.1	Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	4.2	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	95%	2/2 xã	100% (748/748 hộ)	96% (796/796 hộ)	2/2 xã	100% (851/851 hộ)	100% (873/873 hộ)	Trung bình tăng 2%

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
5	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	70%	0/2 xã	0% (0/3 trường)	0% (0/3 trường)	2/2 xã	70% (2/3 trường)	70% (2/3 trường)	Đầu tư nâng cấp, xây mới thêm 06 trường, trong đó có 03 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I và 01 trường có cơ sở vật chất thiết bị đáp ứng chuẩn quốc gia. Năm 2011 chưa có trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn về trang thiết bị và cơ sở vật chất dạy học
6	6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ văn hóa, thể thao của xã.	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	Đầu tư nâng cấp và xây mới 02 nhà văn hóa và 02 sân thể thao xã
	6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	6.3 Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	0/2 xã	Chưa đạt (0/10 thôn)	Chưa đạt (có 0/15 thôn)	2/2 xã	100% (10/10 thôn)	100% (15/15 thôn)	Đầu tư nâng cấp, xây mới thêm 25 nhà văn hóa thôn và 10 khu thể thao thôn theo quy định

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
7	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	0/2	không có chợ	không có chợ	2/2 xã	có 01 điểm mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng Quyết định 4800 của BCT	có 01 điểm mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng Quyết định 4800 của BCT	
8	8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	1/2 xã	Chưa đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	Đầu tư nâng cấp 02 điểm phục vụ bưu chính đạt chuẩn theo quy định
	8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa phát thanh tới các thôn (70% trở lên)	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	đầu tư nâng cấp xây mới 2 hệ thống đài truyền thanh
	8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
9	9.1 Nhà tạm, nhà dột nát	Không	1/2 xã	Không	có 04 hộ	2/2 xã	không	không	không có nhà tạm nhà dột nát
	9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn Bộ Xây dựng	75%	0/2 xã	15% (112/748 hộ)	50% (398/796 hộ)	2/2 xã	92,6% (788/851 hộ)	85,91% (750/873hộ)	

Chỉ tiêu, tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Kết quả bắt đầu xây dựng NTM năm 2011			Kết quả xây dựng nông thôn mới đến tháng 12/2020			So sánh 2020/2011
			Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	Kết quả	Xã Dương Quang	Xã Nông Thượng	
10	Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn.	36 triệu	0/2 xã	Chưa đạt (7 tr.đồng)	Chưa đạt (7tr.đồng)	2/2 xã	Năm 2019: Đạt 35,95 tr.đồng. năm 2020 đạt 37,72 tr.đồng	Năm 2019 đạt 33,56 tr.đồng. Năm 2020 đạt 39,18 tr.đồng	So 2011
11	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	<12%	0/2 xã	7,2%	4%	2/2 xã	1,20%	1,71%	giảm 2,69%; 4,15
12	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	91,14% (2.447/2.685)	93,61% (2.619/2.817)	
13	13.1 Xã có HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012	Đạt	0/2 xã	Không	Không	2/2 xã	Đạt (có 02 HTX)	Đạt (có 01 HTX)	Có 04 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012, hoạt động có hiệu quả
	13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
14	14.1 Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS được giữ vững	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	70%	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	14.3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	>25%	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt 25,79% (612/2.373 người)	Đạt 48,27% (1.047/2.169 người)	
15	15.1	Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	≥ 85%	1/2 xã	50%	100%	2/2 xã	96,11% (2.990/3.111 người)	89,62% (3.195/3.565 người)	
	15.2	Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	15.3	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt	≤26,7%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	25,48% (66/259 trẻ)	14,29% (56/292 trẻ)	
16		Tỷ lệ thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	0/2 xã	Chưa	Chưa	2/2 xã	80%	93,30%	
17	17.1	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90% (≥ 50% nước sạch)	0/2 xã	90% nước HVS	90% nước HVS	2/2 xã	100% nước HVS; 55,95% nước sạch theo quy định	100% nước HVS; 50% nước sạch theo quy định	
	17.2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	1/2 xã	40%	100%	2/2 xã	100% (41/41 hộ)	100% (71/71 hộ)	
	17.3	Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	17.4	Mại táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	17.5	Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	có 03 tổ thu gom rác thải và hơn 20 lò đốt thối rác thải tập trung, 10 xe, thùng rác di động.
	17.6	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥70%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	82%	88%	
	17.7	Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	100% (355/355%)	93,75% (78/80 hộ)	
	17.8	Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	100%	100%	
18	18.1	Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.2	Có đủ tổ chức trong hệ thống chính trị	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.3	Đảng bộ, chính quyền xã đạt "trong sạch vững mạnh".	Đạt	1/2 xã	chưa đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	18.4	Tổ chức chính trị xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	0/2 xã	Chưa đạt	Chưa đạt	2/2 xã	100%	100%	
	18.5	Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	

	18.6	Xã đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt		Chưa quy định	Chưa quy định	2/2 xã	Đạt	Đạt	
	19.1	Xây dựng được lực lượng dân quân “vững mạnh rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	
19	19.2	Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	2/2 xã	Đạt	Đạt	

Ghi chú: Năm 2011, Thành phố Bắc Kạn có 4 xã thực hiện *NTM* (Nông Thượng, Dương Quang, Huyền Tung, Xuất Hóa). Đến năm 2015, Thành phố Bắc Kạn còn 02 xã thực hiện Chương trình MTQG NTM là Nông Thượng và Dương Quang do ngày 11 tháng 3 năm 2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 892/NQ-UBTVQH13. Theo đó, chuyển 2 xã Xuất Hóa và Huyền Tung thành 2 phường có tên tương ứng.